

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**



# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-29

---



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Hestia.

### 1. Thông tin chung về công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần Hestia (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04 tháng 12 năm 2023 về thay đổi người đại diện pháp luật và sửa đổi ngành nghề kinh doanh.

**Tên tiếng Anh:** HESTIA JOINT STOCK COMPANY.

**Mã chứng khoán:** HSA.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

#### Hoạt động kinh doanh

Trồng cây hàng năm khác; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; Chăn nuôi gia cầm; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì; Bán buôn thực phẩm; Chi tiết: Bán buôn lương thực, thực phẩm công nghệ chế biến; Bán buôn hàng thủy sản, bán buôn bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn đồ uống; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Chi tiết: Bán buôn hàng nông sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: -Tư vấn bất động sản; Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý; Lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển.

**Trụ sở chính:** Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiên, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Địa chỉ giao dịch:** số 17 đường số 6 KDC Cityland Park Hills, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Định	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023)
Ông Lê Văn Việt	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2023)
Ông Lê Giang Trung	Thành viên
Bà Trần Phương Dung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2023)
Ông Trần Thái Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2023)
Ông Nguyễn Tom (Thomas) Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2023)

#### Tổng Giám đốc

Ông Lê Giang Trung	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Hằng	Trưởng ban
Ông Lại Anh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên

#### Kế toán trưởng

Ông Đoàn Ngọc Hiệp	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 05/12/2023)
Bà Nguyễn Thị Cảnh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 05/12/2023)

#### Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Trần Đức Định	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Giang Trung	Tổng Giám đốc

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Hestia.

### 5. Cam kết của Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc

Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 6. Xác nhận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

**Thay mặt và đại diện Công ty**



**Trần Đức Định**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày 04 tháng 6 năm 2024



Số: B0424132-R/MOORE AISC – DN6

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Hestia** (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 6 năm 2024, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Hestia** tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc:

- Công ty cho 66 cổ đông mượn tiền không tính lãi suất, với tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông này. Việc Công ty cho cổ đông mượn tiền này là vi phạm quy định tại Điều 293, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trong năm 2023, Công ty đã khắc phục thu hồi toàn bộ khoản tiền cho mượn và đã thi hành xong hình thức phạt vi phạm này.

- Các hợp đồng hợp tác kinh doanh với Bên liên quan có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 196.976.232.002 VND, bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hoạt động hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận. Đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, các Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên đã được quyết toán thanh lý và thu hồi toàn bộ số tiền hợp tác và lãi kèm theo.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



**Đỗ Thị Hằng**

**Giám đốc Kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4226-2023-005-1



**Đoàn Nguyễn Minh Tâm**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4277-2023-005-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>		Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.964.981.262</b>	<b>90.588.259.611</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.198.093.037</b>	<b>1.044.950.503</b>
1.	Tiền	111		1.198.093.037	1.044.950.503
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	-	<b>1.173.440</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	2.905.238
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.731.798)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.703.082.939</b>	<b>87.011.921.835</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	258.644.938
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	-	86.712.193.958
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	33.703.082.939	41.082.939
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.063.805.286</b>	<b>2.530.213.833</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.794.000
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8b	2.063.805.286	2.527.419.833
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>250.523.311.435</b>	<b>196.986.632.002</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>250.516.378.102</b>	<b>196.976.232.002</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	250.516.378.102	196.976.232.002
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.933.333</b>	<b>10.400.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	6.933.333	10.400.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>287.488.292.697</b>	<b>287.574.891.613</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.584.807</b>	<b>1.291.801.130</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.584.807</b>	<b>1.291.801.130</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	1.362.830	19.440.239
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	-	91.505.724
4. Phải trả người lao động	314		-	23.474.202
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	7.221.977	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	-	1.157.380.965
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>287.479.707.890</b>	<b>286.283.090.483</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>287.479.707.890</b>	<b>286.283.090.483</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.727.270.000	78.727.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.727.270.000	78.727.270.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.604.119.607	180.604.119.607
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.148.318.283	26.951.700.876
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.951.700.876	26.228.262.954
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.196.617.407	723.437.922
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>287.488.292.697</b>	<b>287.574.891.613</b>



Nguyễn Thị Cảnh  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 04 tháng 6 năm 2024



Trần Đức Định  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	4.236.875	3.840.970.996
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	1.721.309	2.037.640.586
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	706.756.670	796.854.371
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>(704.241.104)</b>	<b>1.006.476.039</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.4	3.078.980.120	575.874
12. Chi phí khác	32	VI.5	703.173.806	3.500.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.375.806.314</b>	<b>(2.924.126)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>1.671.565.210</b>	<b>1.003.551.913</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	474.947.803	280.113.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>1.196.617.407</b>	<b>723.437.922</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.8	152	92
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	72	VI.8	152	92



Nguyễn Thị Cảnh  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 04 tháng 6 năm 2024



Trần Đức Định  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.671.565.210	1.003.551.913
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		(1.731.798)	(343.299.802)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.669.833.412	660.252.111
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(86.477.092.615)	(3.914.252.525)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.746.830.870)	(1.408.453.957)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		3.466.667	(10.400.000)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		2.905.238	28.655.809.049
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.8b	(11.333.256)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(86.559.051.424)</b>	<b>23.982.954.678</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.061.886)	(1.450.514.741.052)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		86.715.255.844	1.431.551.018.759
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.176.089.198
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>86.712.193.958</b>	<b>(17.787.633.095)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VIII.2	-	1.800.471.099
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VIII.2	-	(9.214.661.363)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(7.414.190.264)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		153.142.534	(1.218.868.681)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.044.950.503	2.263.819.184
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>1.198.093.037</u>	<u>1.044.950.503</u>

Nguyễn Thị Cảnh  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 04 tháng 6 năm 2024



Trần Đức Định  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Hestia (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04 tháng 12 năm 2023 về thay đổi người đại diện pháp luật và sửa đổi ngành nghề kinh doanh.

**Trụ sở chính:** Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Địa chỉ giao dịch:** số 17 đường số 6 KDC Cityland Park Hills, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty**

Trồng cây hàng năm khác; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; Chăn nuôi gia cầm; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ; Bán buôn thực phẩm; Chi tiết: Bán buôn lương thực, thực phẩm công nghệ chế biến; Bán buôn hàng thủy sản, bán buôn bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn đồ uống; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Chi tiết: Bán buôn hàng nông sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: - Tư vấn bất động sản; Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý; Lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Công ty đang trong giai đoạn tái cấu trúc hoạt động và thay đổi mô hình Công ty, thay đổi Ban lãnh đạo và thiết lập hệ thống quản trị Công ty.

**6.**

**Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:** 10 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7 nhân viên).

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật - chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**3. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Các khoản vốn (bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ) góp vào BCC được ghi nhận và phản ánh trong Báo cáo tài chính là tài sản góp vốn liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản nhận về và giá trị khoản vốn góp (nếu có) được phản ánh là thu nhập khác hoặc chi phí khác.

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.

Phân loại các khoản phải thu hợp tác kinh doanh khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.
- Dự phòng tổn thất các khoản phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh: khoản tổn thất do hợp tác kinh doanh bị lỗ dẫn đến các bên tham gia hợp tác kinh doanh có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản hợp tác kinh doanh này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản hợp tác kinh doanh và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, lỗ chứng khoán kinh doanh; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong năm và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty đã quyết toán đến năm 2021.

Năm 2023, thuế suất thuế TNDN tính trên kết quả hoạt động kinh doanh áp dụng cho Công ty là 20%.

**10. Công cụ tài chính****10.1 Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**10.2 Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**11. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	1.198.093.037	1.044.950.503
Tiền mặt	418.619.393	140.403.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	779.473.644	904.547.503
Cộng	<u>1.198.093.037</u>	<u>1.044.950.503</u>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn****Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	2.905.238	1.173.440
Công ty CP Xây dựng Coteccons (CTD)	-	-	1.737.171	589.440
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (IDV)	-	-	1.168.067	584.000
Cộng	-	-	<u>2.905.238</u>	<u>1.173.440</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	55.000.000
Công ty TNHH Grabtaxi	-	80.866.190
Các đối tượng khác	-	122.778.748
Cộng	-	<u>258.644.938</u>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các cổ đông của Công ty (*)	-	-	86.712.193.958	-
Cộng	-	-	<u>86.712.193.958</u>	-

(\*) Các hợp đồng cho mượn tiền là cổ đông của Công ty, không tính lãi suất, tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông trong Công ty (gồm có 66 cổ đông). Đến thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty đã hoàn tất việc thu hồi hết các khoản cho mượn này với 66 cổ đông.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>33.703.082.939</b>	-	<b>41.082.939</b>	-
Tạm ứng (*)	3.000.000.000	-	-	-
Bà Vương Ngọc Cửa (1)	1.500.000.000	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	1.082.939	-	1.082.939	-
Ký quỹ ký cược	29.202.000.000	-	-	-
Công ty Thương mại Dịch vụ Bất động sản Tấn Minh Phúc	22.000.000	-	-	-
Ông Dương Chí Bảo (2)	14.060.000.000	-	-	-
Ông Bùi Huy Hoàng (3)	15.120.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	40.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>250.516.378.102</b>	-	<b>196.976.232.002</b>	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (4)	250.516.378.102	-	196.976.232.002	-
<b>Cộng</b>	<b>284.219.461.041</b>	-	<b>197.017.314.941</b>	-

(\*) Khoản tạm ứng nhân viên công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty.

(1) Khoản phải thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng số 01/2023/HĐMG/HSA về việc chưa hoàn tất việc môi giới mua lại dự án sản xuất kinh doanh giống thủy sản của Công ty TNHH giống thủy sản Uni - President Việt Nam cho Công ty. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, khoản phải thu đã được thu hồi.

(2) Khoản phải thu ông Dương Chí Bảo theo hợp đồng hứa chuyển nhượng vốn góp số 01/2023/HĐHCN/HSA ngày 27/12/2023 cho Công ty Cổ phần Hestia để mua lại toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao Triều Phát với giá trị chuyển nhượng 11.500.000.000 VND và Khoản tạm ứng kinh doanh khác số tiền 2.560.000.000 VND. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, khoản phải thu đã được thu hồi lại toàn bộ số tiền vì chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp.

(3) Khoản phải thu ông Bùi Huy Hoàng theo hợp đồng nguyên tắc về thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐNT/HSA ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang với giá trị chuyển nhượng 15.120.000.000 VND. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, ông Bùi Huy Hoàng đã hoàn trả lại Công ty toàn bộ số tiền đã nhận đặt cọc vì các bên chưa hoàn tất các điều kiện trong hợp đồng nguyên tắc về thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần.

(4) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA - LGT ngày 26/4/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HTKD/HSA - LGT ngày 28/7/2020 giữa Công ty Cổ phần Hestia và ông Lã Giang Trung với mục đích đầu tư kinh doanh. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, khoản phải thu đã được thanh lý và thu hồi toàn bộ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.133.333	-
Chi phí thuê văn phòng	800.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b>6.933.333</b>	<b>10.400.000</b>

7. Phải trả cho người bán ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Cung cấp Thiết bị máy văn phòng Minh Ngọc	-	-	10.988.239	10.988.239
Công ty TNHH Pasa Group	-	-	660.000	660.000
Công ty TNHH Công nghệ số Tân Phong	-	-	2.992.000	2.992.000
Công ty TNHH Dịch vụ khách sạn Hoàng Vinh	-	-	4.800.000	4.800.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phú	1.362.830	1.362.830	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.362.830</b>	<b>1.362.830</b>	<b>19.440.239</b>	<b>19.440.239</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

a. Phải nộp	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	Thuế thu nhập cá nhân	91.505.724	344.521	91.850.245
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>91.505.724</b>	<b>3.344.521</b>	<b>94.850.245</b>	<b>-</b>
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.527.419.833	474.947.803	11.333.256	2.063.805.286
<b>Cộng</b>	<b>2.527.419.833</b>	<b>474.947.803</b>	<b>11.333.256</b>	<b>2.063.805.286</b>

**9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí phải trả khác	7.221.977	-
<b>Cộng</b>	<b>7.221.977</b>	<b>-</b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.157.380.965
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.157.380.965</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	78.727.270.000	180.604.119.607	26.228.262.954	285.559.652.561
Lợi nhuận năm trước	-	-	723.437.922	723.437.922
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>78.727.270.000</b>	<b>180.604.119.607</b>	<b>26.951.700.876</b>	<b>286.283.090.483</b>
Số dư tại 01/01/2023	78.727.270.000	180.604.119.607	26.951.700.876	286.283.090.483
Lợi nhuận năm nay	-	-	1.196.617.407	1.196.617.407
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>78.727.270.000</b>	<b>180.604.119.607</b>	<b>28.148.318.283</b>	<b>287.479.707.890</b>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Ông Lã Giang Trung	60,74%	47.822.500.000	47.822.500.000
Ông Nguyễn Đình Chiêu	4,41%	3.469.970.000	-
Các cổ đông khác	34,85%	27.434.800.000	30.904.770.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>78.727.270.000</b>	<b>78.727.270.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.727.270.000	78.727.270.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	78.727.270.000	78.727.270.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	78.727.270.000	78.727.270.000

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.872.727	7.872.727
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.872.727	7.872.727
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.872.727	7.872.727
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.872.727	7.872.727
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.872.727	7.872.727
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.505.077	284.270.516
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	28.000
Lãi phái sinh	-	889.590.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.731.798	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	2.663.508.450
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.574.030
<b>Cộng</b>	<b>4.236.875</b>	<b>3.840.970.996</b>
<b>2. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lãi tiền vay	-	713.299.463
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.721.300	1.130.460.325
Lỗ phái sinh	-	479.190.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(343.299.802)
Chi phí tài chính khác	9	57.990.600
<b>Cộng</b>	<b>1.721.309</b>	<b>2.037.640.586</b>
<b>3. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí nhân viên	307.003.842	381.560.730
Thuế, phí, lệ phí	6.177.240	4.995.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.529.594	1.520.200
Chi phí bằng tiền khác	44.045.994	408.778.041
<b>Cộng</b>	<b>706.756.670</b>	<b>796.854.371</b>
<b>4. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Phạt vi phạm hợp đồng	1.500.000.000	-
Thu nhập khác	1.578.980.120	575.874
<b>Cộng</b>	<b>3.078.980.120</b>	<b>575.874</b>
<b>5. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Các khoản phạt	98.363.440	3.500.000
Chi phí khác	604.810.366	-
<b>Cộng</b>	<b>703.173.806</b>	<b>3.500.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nhân công	307.003.842	381.560.730
Thuế, phí, lệ phí	6.177.240	4.995.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.529.594	1.520.200
Chi phí bằng tiền khác	44.045.994	408.778.041
<b>Cộng</b>	<b>706.756.670</b>	<b>796.854.371</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.671.565.210</b>	<b>1.003.551.913</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>703.173.806</b>	<b>397.018.041</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	703.173.806	397.018.041
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>703.173.806</i>	<i>397.018.041</i>
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm nay</b>	<b>2.374.739.016</b>	<b>1.400.569.954</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>474.947.803</b>	<b>280.113.991</b>
<b>5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)</b>	<b>474.947.803</b>	<b>280.113.991</b>
(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.196.617.407	723.437.922
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.196.617.407	723.437.922
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.872.727	7.872.727
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>152</b>	<b>92</b>
<b>9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.196.617.407	723.437.922
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	1.196.617.407	723.437.922
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.872.727	7.872.727
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	7.872.727	7.872.727
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>152</b>	<b>92</b>

(\*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2023.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**10.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm nay</b>		
VND	+ 100	7.794.736
VND	- 100	(7.794.736)
<b>Năm trước</b>		
VND	+ 100	9.045.475
VND	- 100	(9.045.475)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****10.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**10.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>2023</b>				
Phải trả người bán	1.362.830	-	-	1.362.830
Chi phí phải trả	7.221.977	-	-	7.221.977
<b>Cộng</b>	<b>8.584.807</b>	-	-	<b>8.584.807</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm</b>				
<b>2022</b>				
Phải trả người bán	19.440.239	-	-	19.440.239
<b>Cộng</b>	<b>19.440.239</b>	-	-	<b>19.440.239</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

**VII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem thuyết minh trang 29).**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Không phát sinh.

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm 2023

-

Năm 2022

1.800.471.099

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

-

(9.214.661.363)

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết quan trọng nào khác yêu cầu phải trình bày bổ sung trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

- Ngày 08/01/2024, Công ty đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 01/2024/NQ-HĐQT về việc chấm dứt trước thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA - LGT và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HTKD/HSA - LGT giữa ông Lê Giang Trung và Công ty Cổ phần Hestia.

- Ngày 24/01/2024, Công ty đã công bố thông tin về việc chuyển sang diện bị tạm ngừng giao dịch đối với cổ phiếu HSA của Công ty Cổ phần Hestia theo quyết định số 31/QĐ-SGDHN và đã tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 29/01/2024 theo thông báo số 240/TB-SGDHN.

- Ngày 07/02/2024 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 166/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán đối với Công ty như sau: Không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật; Công bố thông tin sai lệch về giao dịch của Công ty và người nội bộ; Vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp (Công ty cho 66 Cổ đông vay tiền và Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Lê Giang Trung chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua)...

- Ngày 01/03/2024, Công ty đã ban hành Công văn số 02/2024/HSA-CV về việc đính chính lại một số nội dung đã công bố trong báo cáo tình hình quản trị bán niên năm 2022 và năm 2022 của Công ty về một số nội dung giao dịch với người nội bộ là ông Lê Giang Trung.

- Ngày 01/03/2024 Công ty đã ký kết hợp đồng phân phối số 03124/HĐKT/LCF-HSA với Công ty TNHH LC FOODS về việc phân phối các mặt hàng thực phẩm chế biến các loại và các sản phẩm khác mang nhãn hiệu của Công ty TNHH LC FOODS hoặc các sản phẩm Công ty TNHH LC FOODS đang phân phối.

- Ngày 12/03/2024, Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT về việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Khôi An Nguyên với giá trị 97.500.000.000 VND. Ngày 29/03/2024 ban hành Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT về việc đính chính một số điều của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT. Đến ngày 13/04/2024 Công ty đã hoàn tất góp vốn, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Khôi An Nguyên trở thành công ty con của Công ty và công ty chính thức công bố thông tin thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo)**

- Ngày 13/03/2024, Công ty đã thông qua Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Quang Anh với tổng mức đầu tư là 55.000.000.000 VND. Đến hết ngày 22/03/2024, Công ty đã hoàn tất thủ tục ký hợp đồng và hoàn tất chuyển tiền góp vốn hợp tác kinh doanh.
- Ngày 14/03/2024, Công ty đã thông qua Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Tuyết Vời với tổng mức đầu tư là 43.000.000.000 VND. Đến hết ngày 22/03/2024, Công ty đã hoàn tất thủ tục ký hợp đồng và hoàn tất chuyển tiền góp vốn hợp tác kinh doanh.
- Ngày 16/03/2024 Công ty đã ký kết hợp đồng thuê kho số 03224HDDV/LCF-HSA với Công ty TNHH LC FOODS về việc thuê các kho của Công ty TNHH LC FOODS để triển khai các dịch vụ lưu kho cho các sản phẩm ngành hàng thực phẩm và các dịch vụ khác đi kèm.
- Ngày 05/04/2024 Công ty đã công bố thông tin về chuyển từ điện tạm ngừng giao dịch sang điện định chỉ giao dịch đối với cổ phiếu HSA của Công ty Cổ phần Hestia vì vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ công bố thông tin kể từ ngày 12/04/2024 theo Quyết định số 372/QĐ-SGDHN và thông báo số 1738/TB-SGDHN.
- Ngoài ra, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lã Giang Trung	Tổng Giám đốc

**Giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
Ông Lã Giang Trung	Chi hợp tác kinh doanh	53.740.146.100	32.285.586.502
	Thu hồi tiền hợp tác kinh doanh	200.000.000	-

**Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan**

Phải thu khác là các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2023	01/01/2023
Ông Lã Giang Trung	Hợp tác kinh doanh	250.516.378.102	196.976.232.002
<b>Cộng</b>		<b>250.516.378.102</b>	<b>196.976.232.002</b>

  

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc		Năm 2023	Năm 2022
Ông Lã Giang Trung	Lương	288.000.000	369.000.000
<b>Cộng</b>		<b>288.000.000</b>	<b>369.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Thông tin so sánh**

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại do lỗi kỹ thuật khi trình bày Báo cáo tài chính năm trước và cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu		Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
		Số trình bày lại	Số đã trình bày	
<b>Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp)	Mã số 20	23.982.954.678	23.986.454.678	(3.500.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	Mã số 22	-	(3.500.000)	3.500.000

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.


Nguyễn Thị Cảnh  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 04 tháng 6 năm 2024



Trần Đức Định  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2022		31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	2.905.238	(1.731.798)	-	1.173.440
- Phải thu về cho vay	-	-	86.712.193.958	-	-	86.712.193.958
- Phải thu khác	284.219.461.041	-	197.017.314.941	-	284.219.461.041	197.017.314.941
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.198.093.037	-	1.044.950.503	-	1.198.093.037	1.044.950.503
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>285.417.554.078</b>	<b>-</b>	<b>284.777.364.640</b>	<b>(1.731.798)</b>	<b>285.417.554.078</b>	<b>284.775.632.842</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Phải trả người bán	1.362.830	-	19.440.239	-	1.362.830	19.440.239
- Chi phí phải trả	7.221.977	-	-	-	7.221.977	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.584.807</b>	<b>-</b>	<b>19.440.239</b>	<b>-</b>	<b>8.584.807</b>	<b>19.440.239</b>